

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 333/2022/HS-ST

Ngày: 10/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh;

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 299/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lưu Tứ Q, sinh năm 1991 tại An Giang;

Nơi cư trú hiện nay: Không có nơi ở nhất định.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 960/48, khóm Bình Khánh 1, phường Bình K, thành phố Long X, tỉnh An Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao Đài; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Không;

Họ và tên cha: Lưu Văn B; sinh năm 1957; (còn sống)

Họ và tên mẹ: Vũ Thị Lệ T, sinh năm 1957; (còn sống).

Bị cáo là con út trong gia đình có 04 anh em.

Có vợ tên Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1989. Có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án: Ngày 17/7/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 08 (tám) tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/01/2019.

Ngày 29/10/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 01 (một) năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/7/2020.

Tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/3/2022, đến ngày 11/3/2022 chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số: 406 ngày 09/3/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

- Người bị hại: Anh Vũ Ngọc C, sinh năm 1974.

Địa chỉ tạm trú: Tổ 19B, khu phố An H, phường Hóa A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Thái H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 20A, khu phố Cầu H, phường Hóa A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo có mặt, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Lưu Tứ Q là đối tượng nghiện ma túy, sống lang thang, không có nghề nghiệp ổn định, đã có hai tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”.

Khoảng 05 giờ 40 phút ngày 23/4/2021, Q một mình đi bộ đến nhà bà Nguyễn Lệ T tại địa chỉ: 19B, khu phố An H, phường Hóa A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (bà T là bà ngoại của Q). Tại đây Q thấy xe mô tô biển số 51V1-3195 của anh Vũ Ngọc C, thường trú: ấp 3, xã Phú A, huyện Cai L, tỉnh Tiền Giang (là cậu ruột của Q) đang dựng trước sân nhà, chìa khóa cắm sẵn trên ổ khóa điện. Q nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên bán lấy tiền tiêu xài cá nhân nên lén lút lấy xe, nổ máy và điều khiển đi đến tiệm sửa xe "59", địa chỉ tổ 20A, khu phố Cầu H, phường Hóa A, thành phố Biên H do anh Nguyễn Thái H làm chủ mượn số tiền 20.000 đồng (*hai mươi nghìn đồng*) rồi điều khiển xe trộm cắp được đi đồ xăng. Khoảng 10 giờ cùng ngày, Q quay lại gặp anh H mượn thêm số tiền 700.000 đồng (*bảy trăm nghìn đồng*) nhưng anh H không đồng ý, Q nói Q để lại xe mô tô biển số 51V1-3195 cho anh H và hẹn sẽ quay lại trả tiền, lấy xe xong

thì anh H đồng ý cho Q mượn số tiền trên. Đến ngày 24/4/2021, Q đang đi trên đường thì gặp chị Lê Mỹ C, thường trú: Ấp An Trường, xã An Thạch I, huyện Cù Lao D, tỉnh Sóc Trăng (chị dâu của Q), Q nói với chị C là Q đã trộm cắp xe mô tô của anh C và đang cầm chiếc xe trên tại tiệm sửa xe của anh Nguyễn Thái H để mượn số tiền 700.000 đồng (*bảy trăm nghìn đồng*) nên chị C báo cho anh C biết sự việc. Cùng ngày, anh C đến Công an phường Hóa A, thành phố B trình báo sự việc, Công an phường Hóa A lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B giải quyết theo thẩm quyền.

Q sau đó đã bỏ trốn và bị truy nã. Đến ngày 08/3/2022, Q bị Công an phường Cầu Ông L, quận 1, thành phố H bắt giữ và chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý. Tại Cơ quan điều tra, Q khai nhận hành vi phạm tội như nội dung đã nêu trên.

Lời khai bị can (Bút lục 57 - 61);

Lời khai của bị hại (Bút lục 70 - 75)

Lời khai người làm chứng (Bút lục 76 – 85)

Vật chứng vụ án:

+ 01 xe mô tô biển số 51V1-3195, số khung CG013PD012843, số máy 150FMG00012843. Quá trình điều tra, xác minh anh C khai nhận mua xe từ một người tên T (không rõ nhân thân, lý lịch), khi mua bán xe không có giấy tờ mua bán. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã xác minh tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai nhưng không có dữ liệu, chưa xác minh được nguồn gốc xe nên tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý theo quy định (Bút lục 94, 96 - 99, 101 - 102).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 232/KL-HĐĐGTS ngày 20/5/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận xe mô tô biển số 51V1-3195 có giá trị là 2.300.000 đồng (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng*) (Bút lục số: 90 – 92).

Về dân sự: Người bị hại anh Vũ Ngọc C, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thái H không yêu cầu về phần dân sự.

2. Truy tố:

Tại bản cáo trạng số 319/CT/VKS-BH ngày 04/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Lưu Tú Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g, khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

+ Áp dụng điểm g, Khoản 2, Điều 173 và Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Lưu Tứ Q từ: 02 năm 6 tháng đến 03 năm tù giam.

3. Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

- Người bị hại anh Vũ Ngọc C trình bày trong hồ sơ vụ án: anh không yêu cầu về phần dân sự.
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thái H trình bày tại hồ sơ vụ án: Anh không yêu cầu về phần dân sự.
- Lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình, bị cáo kính mong HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, tại hồ sơ vụ án người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã có trình bày đầy đủ và việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc xét xử; do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- *Những chứng cứ xác định có tội:* Tại phiên tòa, bị cáo Lưu Tứ Q thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 05 giờ 40 phút ngày 23/4/2021, tại địa chỉ 19B, khu phố An H, phường Hóa A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Lưu Tứ Q đã có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô biển số 51V1-3195 của anh Vũ Ngọc C, có giá trị là 2.300.000 đồng (*hai triệu ba trăm nghìn đồng*).

- **Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi:** Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được Nhà nước bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

- **Về tội danh:** Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Lưu Tứ Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g, Khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản Cáo trạng số 319/CT-VKSBH ngày 04/7/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Lưu Tứ Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo các điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- **Về nhân thân:** Bị cáo có nhân thân xấu.

- **Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** không có.

- **Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thuộc trường hợp được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Lưu Tứ Q để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

- Người bị hại anh Vũ Ngọc C không yêu cầu bồi thường về phần dân sự nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thái H không yêu cầu gì về phần dân sự nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về vật chứng và các vấn đề khác có liên quan vụ án:

+ Đối với 01 xe mô tô biển số 51V1-3195, số khung CG013PD012843, số máy 150FMG00012843. Quá trình điều tra, xác minh anh Chính khai nhận mua xe từ một người tên Thành (không rõ nhân thân, lý lịch), khi mua bán xe không có giấy tờ mua bán. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã xác minh tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai nhưng không có dữ liệu, chưa xác minh được nguồn gốc xe nên tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý theo quy định (Bút lục 94, 96 - 99, 101 - 102) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Thái H đã có hành vi cho Q mượn tiền và giữ xe mô tô biển số 51V1 – 3195 nhưng H không biết xe mô tô này là tài sản do Q phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với H là phù hợp.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Đối với ý kiến của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng điểm g, Khoản 2, Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lưu Tứ Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lưu Tứ Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/3/2022.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lưu Tứ Q phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;
Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại,
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra; Cơ quan Thi hành án hình sự, Nhà tạm giữ – Công an thành phố B;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thuý

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại,
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra; Cơ quan Thi hành án hình sự, Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thuý

